

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Đội x, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn x, (trước là xóm L), xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Đắc Y (tên gọi khác: Trần Đắc Đ), sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Đội x, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án phạt tù giam tại Trại giam Nam Hà, Bộ Công an. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Đắc Y (tên trong giấy đăng ký kết hôn là Trần Đắc Đ) vào ngày 28/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y mắc nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình rất khó khăn; chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Y vẫn không từ bỏ được việc sử dụng ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Ngày 29/5/2019 anh Y bị bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Khi anh Y chấp hành hình phạt tù tại trại giam Nam

Hà, chị có vào thăm anh Y; qua nói chuyện thì cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Yên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Đắc Y (tên gọi khác Trần Đắc Đ) trình bày: Anh tên chính thức là Trần Đắc Y, tên thường gọi là Trần Đắc Đ. Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh ham chơi nên mắc nghiện ma túy. Ngày 29/5/2019 anh bị Công an bắt và sau đó bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nay chị H kiện ly hôn, anh xác định trong thời gian anh đi tù chị H có vào thăm nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng không còn do vậy anh đồng ý ly hôn chị H. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Nam Hà nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án tại Toà án vì vậy anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Đắc Đ, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Trần Đắc D, sinh ngày 03/10/2010; hiện cả hai cháu đang sống cùng chị H. Ly hôn, chị H và anh Y đều có quan điểm giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng các con và anh Y không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do đang chấp hành án phạt tù.

Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn; chị H, anh Y đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm: Về tố tụng, TAND huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y (tên gọi khác: Trần Đắc Đ).

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y; giao cháu Trần Đắc Đ, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Trần Đắc D, sinh ngày 03/10/2010 cho chị H nuôi dưỡng; anh Y không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y (tên trong giấy đăng ký kết hôn - Trần Đắc Đ) tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Y mắc nghiện ma túy; chị H khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Y vẫn sử dụng chất ma túy. Ngày 29/5/2018 anh Y bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chị H về nhà bố mẹ mẹ đẻ ở. Trong thời gian anh Y chấp hành hình phạt tù, chị H nhiều lần vào thăm nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được khắc phục.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Y xảy ra đã lâu; mặc dù hai người đã nói chuyện, trao đổi với nhau nhiều lần nhưng đều thấy không còn tình cảm yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Y đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, xử cho chị H ly hôn anh Y là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung, chị H và anh Y có hai con chung là cháu Trần Đắc Đ, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Trần Đắc D, sinh ngày 03/10/2010; hiện cả hai cháu đang sống cùng chị H. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu đều có nguyện vọng ở với chị H, đồng thời hiện anh Y đang phải chấp hành hình phạt tù không có điều kiện nuôi con do đó đề nghị của chị H, anh Y tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Đ, cháu D và anh Y không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, do chị H, anh Y đều tự nguyện không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y (tên gọi khác: Trần Đắc Đ).

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị H và anh Trần Đắc Y; giao cháu Trần Đắc Đ, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Trần Đắc D, sinh ngày 03/10/2010 cho chị H nuôi dưỡng; anh Y không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với hai cháu Đ, D.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002432 ngày 10/6/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải nộp. Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Y biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã N, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(Đã ký)